

Số: 04/2023/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 25 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 1766/TTr-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết Ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chủ động ban hành văn bản cập nhật, điều chỉnh khi các biểu mẫu, hồ sơ do Trung ương hướng dẫn quy định tại Nghị quyết này có thay đổi, điều chỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp

luật mới thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa IV, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7 thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 05 tháng 5 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu-UBTVQH;
- Các Bộ: KH&ĐT, NN&PTNT, LĐ-TB&XH;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các: Ban HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ-Sở Nội vụ;
- Website cơ quan;
- Lưu: VT, CT.HĐND, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung

QUY ĐỊNH

Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Nội dung hỗ trợ

a) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Thực hiện theo điểm đ khoản 1 Điều 10 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025:

Nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo khoản 1 Điều 11 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: Thực hiện theo khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

c) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Thực hiện theo khoản 3 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Thực hiện theo Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Mẫu hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Thực hiện theo Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; riêng nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 thực hiện theo Mẫu B1.1, B1.2, B1.3, B1.4, B1.5, B1.6, B1.7 Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT.

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Xây dựng dự án

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án, kế hoạch liên kết theo mẫu hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này;

Hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của

Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Nộp hồ sơ

Đối với dự án, kế hoạch liên kết phạm vi từ 02 huyện/thành phố trở lên: Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (bộ phận tiếp nhận và trả kết quả lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

Đối với dự án, kế hoạch liên kết phạm vi 01 huyện/thành phố: Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sau khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả chuyển hồ sơ về Phòng chuyên môn cấp huyện được giao chủ trì dự án thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia tham mưu, giải quyết.

c) Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết

Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đơn vị tiếp nhận hồ sơ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định, bộ phận giúp việc cho Hội đồng và tổ chức thẩm định; Thành phần Hội đồng thẩm định, gồm:

Đối với dự án, kế hoạch liên kết phạm vi từ 02 huyện/thành phố trở lên: Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ủy quyền lãnh đạo cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia; các thành viên: lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết; lãnh đạo các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; các Sở, ngành chuyên môn hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết);

Đối với dự án, kế hoạch liên kết phạm vi 01 huyện/thành phố: Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án/kế hoạch liên kết, đại diện phòng Tài chính - Kế hoạch, các phòng, đơn vị chuyên môn hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết); Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết có quy mô vốn đầu tư từ 05 tỷ đồng trở lên, Hội đồng thẩm định cấp huyện mời các Sở, Ban, ngành có liên quan tham gia thành viên Hội đồng.

d) Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết phạm vi từ 02 huyện/thành phố trở lên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết phạm vi 01 huyện/thành phố; Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

Nội dung quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 4. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Nội dung hỗ trợ

a) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Thực hiện theo khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH;

Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Thực hiện theo Điều 5, Điều 6, điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

2. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất

a) Biên bản họp dân (Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Quy định này).

b) Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Quy định này).

c) Đơn đề nghị dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Quy định này).

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng

a) Xây dựng dự án, phương án sản xuất

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai để xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Nộp hồ sơ

Cộng đồng dân cư nộp hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

c) Thẩm định dự án: Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và tổ chức thẩm định.

d) Phê duyệt dự án

Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất; Trường hợp dự án, phương án sản xuất không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Nội dung quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 5. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

Việc thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

1. Nội dung hỗ trợ

a) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Thực hiện theo khoản 3 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH;

Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Thực hiện theo Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo điểm b (đối với Nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị) khoản 1 Điều 3; điểm b khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Mẫu hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Thực hiện theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu

a) Xây dựng, phê duyệt dự án: Thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

b) Quy trình, thủ tục lựa chọn đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ về Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên./.

Phụ lục**MẪU HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

(Ban hành kèm theo Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông)

Mẫu số 01	Biên bản họp dân
Mẫu số 02	Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 03	Đơn đề nghị dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Mẫu số 01: Biên bản họp dân

UBND XÃ.....
Thôn/Bon

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....ngày tháng...năm.....

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, ngày tháng năm, tại tổ chức họp nhân dân để thảo luận lựa chọn nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia

I. Chủ trì cuộc họp:

- Chủ trì cuộc họp: Ông (bà).....Chức vụ:.....
- Thư ký cuộc họp: Ông (bà).....Chức vụ:.....

II. Thành phần tham gia:

- Đại diện UBND xã:

Ông/ bà..... chức vụ.....
Ông/ bà..... chức vụ.....

- Đại diện khác:

- Số hộ tham gia:.....hộ là các hộ sinh sống trên địa bàn.

III. Nội dung cuộc họp

1. Phổ biến dự án: Tên dự án, điều kiện, chính sách, nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; định mức kinh tế kỹ thuật, mức chi hỗ trợ dự án...

2. Thông báo phương án thực hiện dự án, hỗ trợ của nhà nước, thống nhất về việc đóng góp của thành viên tổ cộng đồng; Thống nhất tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ, số tiền phải thu nộp và thời gian thu nộp.

3. Đối tượng tham gia dự án

- Ý kiến bình xét đối tượng đủ điều kiện tham gia dự án: (nêu cụ thể các ý kiến bình xét của các thành phần tham gia cuộc họp)

- Số đối tượng được lựa chọn tham gia dự án: hộ, trong đó: (nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ khác, ...).

Lưu ý: Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân

tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo (theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP).

- Sau khi triển khai và thảo luận chúng tôi thống nhất thành lập tổ/nhóm cộng đồng (tên tổ/ nhóm cộng đồng) tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất..... do ông/bà..... Tổ trưởng/ trưởng nhóm làm đại diện. Tổ/nhóm cộng đồng..... gồmthành viên danh sách cụ thể như sau:

Stt	Tên thành viên tham gia dự án	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ	Thuộc đối tượng (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, hộ khác)	Nội dung đề nghị hỗ trợ	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Trong đó		Ký xác nhận hoặc điểm chỉ	Ghi chú
								Đề nghị nhà nước hỗ trợ	Đối ứng của hộ		

4. Nội dung cam kết của đối tượng tham gia dự án:.....

5. Nội dung khác (nếu có).

IV. Kết luận

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, cuộc họp thống nhất đề cộng đồng dân cư xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đề nghị dự án/phương án sản xuất trình các cấp có thẩm quyền theo quy định.

Cuộc họp đã kết thúc vào giờ cùng ngày, đọc lại cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất nội dung biên bản./.

Thư ký
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện tổ/nhóm cộng đồng
Tổ trưởng/trưởng nhóm
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND xã
(ký, đóng dấu)

Chủ trì
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02: Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG
thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.....

Tên dự án, phương án:

1. Đại diện cộng đồng dân cư:

Người đại diện

Chức vụ:

CMTND/CCCD..... ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:

2. Mục tiêu dự án:

a) Mục tiêu chung:.....

b) Mục tiêu cụ thể: Dự kiến kết quả đạt được sau chu kỳ sản xuất (sản phẩm, thu nhập, nhận thức của đối tượng tham gia dự án...); các đối tượng tham gia dự án là hộ nghèo, hộ cận nghèo mục tiêu có hộ thoát nghèo và hộ thoát cận nghèo (nếu có).

3. Đối tượng tham gia dự án: hộ, trong đó: (nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ khác,...)

(Có danh sách các đối tượng được lựa chọn tham gia dự án kèm theo).

4. Thời gian triển khai:

5. Địa bàn triển khai dự án:

6. Nội dung hoạt động của dự án

6.1. Nội dung hoạt động ngân sách nhà nước hỗ trợ, gồm:

.....

6.2. Nội dung hoạt động sử dụng từ các nguồn kinh phí khác

- Nội dung hoạt động sử dụng kinh phí đóng góp của cộng đồng:

.....

- Nội dung hoạt động sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác:

.....

7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ là: đồng

- Kinh phí đóng góp của cộng đồng: đồng

- Huy động từ nguồn kinh phí hợp pháp khác: ... đồng

(Dự toán chi tiết kèm theo)

8. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng

a) Tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ: %.

b) Thời gian thu, nộp:

c) Cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng:

9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả của dự án (về kinh tế, xã hội, môi trường):
.....

10. Trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp: (nêu rõ trách nhiệm của các bên có liên quan).....

11. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết:

12. Tổ chức thực hiện dự án:

13. Các nội dung liên quan khác

Kính đề nghị xem xét, phê duyệt dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia/.

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03: Đơn đề nghị dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình
mục tiêu quốc gia

Kính gửi:

Tổ, nhóm cộng đồng:

Người đại diện:

Chức vụ:.....

CMND/CCCD số:.....ngày cấpnơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền) thẩm định và phê duyệt dự án, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:.....

2. Địa bàn thực hiện:

3. Thời gian thực hiện:

4. Kinh phí thực hiện:

II. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Nội dung đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ:

2. Nội dung đối ứng:

III. CAM KẾT:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Tuân thủ các quy định của dự án, hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước.

3. Đối ứng các khoản kinh phí thực hiện dự án ngoài khoản ngân sách nhà nước hỗ trợ.

4. Chấp hành thu nộp tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ theo quy định.

5. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):...../.

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG

(Ký, ghi họ tên)